

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 610/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9- 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Đức Hân
- Bà Nguyễn Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Doãn Thị Thanh T, sinh năm 1996; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã KB, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã KB, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Doãn Thị Thanh T trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn T trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Bùi Văn T tại thôn 9, xã K, huyện T,

thành phố Hải Phòng đến đầu năm 2017 vợ chồng chị chuyển về Thôn 7, xã KB, huyện T, thành phố Hải Phòng sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T2 thường xuyên chơi lô đề cờ bạc, không quan T1 đến gia đình và vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T2 đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng chị vẫn chung sống với nhau, nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị T1 khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T2 không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị Doãn Thị Thanh T trình bày vợ chồng chị có 01 con chung tên Bùi Tiến Đ, sinh ngày 29 tháng 05 năm 2015. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Bùi Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Doãn Thị Thanh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Doãn Thị Thanh T trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 11 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại thôn 9, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T1 có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nay anh mong muốn được hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh T2 trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Tiến Đ, sinh ngày 29 tháng 05 năm 2015. Trường hợp vợ chồng anh ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị Doãn Thị Thanh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Bùi Văn T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong

quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Doãn Thị Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Doãn Thị Thanh T; tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Về con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Doãn Thị Thanh T; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; bức ảnh về việc anh Bùi Văn T đánh chị Doãn Thị Thanh T; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Doãn Thị Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T vẫn chung sống với nhau, nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị T1 khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T2 không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Bùi Văn T. Anh Bùi Văn T không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng anh Bùi Văn T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T2 và chị T1 đã trầm trọng, anh T2 không mong muốn hòa giải để vợ chồng về đoàn

tự, mà chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị Doãn Thị Thanh T. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Doãn Thị Thanh T, cho chị Doãn Thị Thanh T được ly hôn anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Tiến Đạt, sinh ngày 29 tháng 05 năm 2015. Khi ly hôn chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T đều đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi con chung. Xét việc thỏa thuận của chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T là hoàn T2 tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Doãn Thị Thanh T, giao con chung tên Bùi Tiến Đ, sinh ngày 29 tháng 05 năm 2015 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T thống nhất để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Doãn Thị Thanh T và anh Bùi Văn T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Doãn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Doãn Thị Thanh T được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Tiến Đ, sinh ngày 29 tháng 05 năm 2015 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Doãn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001089 ngày 05 tháng 07 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố Hải Phòng. Chị Doãn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự